

Bản án số: 144/2018/ HS-ST

Ngày 15 - 11 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Oanh, Chuyên viên Phòng giáo dục, huyện Phú Bình

2. Ông Hoàng Văn Đích, Nguyên giáo viên đã nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:*

Ông Lưu Nguyên Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2018/ HSST, ngày 03 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRẦN VĂN N**, sinh ngày 04/8/2000.

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N, sinh năm 1977 và bà: Dương Thị L, sinh năm: 1979. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 01; Vợ: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN L**, sinh ngày 22/7/2000.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn L, sinh năm 1977 và bà: Dương Thị H, sinh năm: 1976. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 03/3/2016 bị Công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ pháo nổ bằng hình thức cảnh cáo.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN T**, sinh ngày 04/8/1995.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn T, sinh năm 1969 và bà: Dương Thị L, sinh năm: 1973. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1996 và có 01 con nhỏ, sinh năm 2016.

Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn N và Dương Văn L:

Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1985-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện hợp pháp:

Ông Trần Văn N, sinh năm 1977 (là bố đẻ của bị cáo Trần Văn N)

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bà Dương Thị H, sinh năm 1976 (là mẹ đẻ của bị cáo Dương Văn L).

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Dương Văn N1, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm N, xã U, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Anh Nguyễn Xuân T1 sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm C, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

Anh Dương Ngọc T, sinh ngày 26/8/2000.

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2018, Tổ công tác Công an huyện P đang làm nhiệm vụ tuần tra tại Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện 01 xe Taxi BKS 20A- 133.21 của hãng Taxi H đang đỗ ở ven đường thuộc xóm T, xã Đ, trên xe có người lái xe ngồi ở ghế lái, phía sau xe có một nam thanh niên đang cầm 01 bao tải dứa có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác tiếp cận yêu cầu cho kiểm tra thì người lái xe Taxi khai tên là Dương Văn N1, sinh năm 1984, trú tại xóm N, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, nam thanh niên phía sau xe khai nhận tên là Trần Văn N, sinh ngày: 04/8/2000, trú tại Xóm B, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. N tự nguyện giao nộp 01 bao tải dứa màu xanh của N, mở ra kiểm tra bên trong phát hiện: 10 hộp hình vuông có kích thước 15x15x15cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài.

Số vật chứng trên N khai nhận là pháo nổ N mua và bán lại cho một người đàn ông tên là A nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an kiểm tra. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng, đưa N và N1 về trụ sở Công an huyện P điều tra làm rõ.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Dương Văn N khai nhận số pháo trên là do N mua được qua sự giới thiệu, môi giới của bạn N là Dương Văn L, sinh năm: 2000, trú tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để bán cho một đối tượng tên là A nhà ở xã N với mục đích kiếm lời. Dương Văn L khai không trực tiếp bán pháo cho N mà môi giới giữa N và Dương Văn T, sinh năm 1995, trú tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để mua bán pháo. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại của Trần Văn N có lắp sim ở trong máy, đối với điện thoại và sim sử dụng liên lạc mua bán pháo của L và T các bị can khai nhận đã bị mất nên không thu hồi được.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nhà ở của Dương Văn L nhưng không phát hiện gì có liên quan đến vụ án.

Tiến hành cân xác định trọng lượng số pháo thu giữ khi bắt quả tang đối với N, gồm: 10 hộp hình vuông có kích thước 15x15x15cm có vỏ bọc bằng giấy màu đỏ ghi nhiều chữ nước ngoài có khối lượng: 14,7 kg. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy 01 hộp trọng lượng 1,47 kg trong số 10 hộp hình vuông kích thước 15x15x15cm gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên để giám định.

Tại bản kết luận giám số 319/KL-PC54 ngày 29/01/2018 và Công văn số 21/PC54 ngày 26/3/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận và giải thích kết luận giám định như sau: 01 (một) khối hộp vuông có kích thước (15x15x15)cm, bên trong có 36 vật hình trụ, mỗi vật hình trụ có đường kính 2,5cm, dài 15 cm, ký hiệu M1 có khối lượng 1,47 kg là pháo hoa. Khi bị kích thích (hoặc đốt) có gây ra tiếng nổ; Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 36/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo thì bên trong mẫu ký hiệu M1 có chứa thuốc pháo khi đốt có gây ra tiếng nổ, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo khi bị kích thích hoặc đốt có gây ra tiếng nổ).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo: Trần Văn N, Trần Văn L và Dương Văn T khai nhận hành vi mua bán pháo nổ của mình như sau: Dương Văn T và Dương Văn L là hàng xóm và có mối quan hệ họ hàng với nhau. Vào khoảng cuối năm 2017, Trọng sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook có nick Facebook là “B” nói chuyện và làm quen với một người tên là K có nick

Facebook là “K Karo”, Trọng không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ của K. Quá trình nhắn tin nói chuyện, K nói với T là có pháo và nếu có ai hỏi mua thì bán, T nói chuyện về việc có pháo bán với L. Gặp N, L nói chuyện với N về việc có pháo bán như trên. Cùng thời điểm này, Trần Văn N có gặp, quen biết với một nam thanh niên tên là A (N không biết rõ tên tuổi và địa chỉ đầy đủ, của A mà chỉ biết A khoảng 20 tuổi, nhà ở xã N, huyện P), quá trình nói chuyện A có hỏi N có biết chỗ nào bán pháo không để mua 10 hộp pháo hoa, N đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 03/01/2018, N sử dụng số điện thoại di động 01625.199.993 của N liên lạc đến số điện thoại 01234.066.134 của L hỏi đặt mua 10 hộp pháo hoa, L liên lạc đến số 0972382837 của T để hỏi mua pháo thì T nói là để T hỏi rồi trả lời sau. T sử dụng Facebook của mình nhắn tin hỏi K về việc mua 10 giàn pháo hoa thì K đồng ý bán pháo với giá 530.000 đồng/01 hộp và nói với T “Cứ thu tiền cho anh xong sẽ gặp để lấy tiền sau, rồi pháo anh sẽ chuyển một chỗ thông báo sau”. Sau đó, T nói với L là có bán pháo với giá 550.000 đồng/01 hộp, L bảo với T là bán pháo cho bạn với giá 620.000 đồng/01 hộp và T cho L bao nhiêu tiền thì cho, T không nói gì. L liên lạc với N thông báo là có pháo bán với giá 620.000 đồng/01 hộp, N đồng ý mua và thỏa thuận với A là bán pháo cho A với giá 700.000 đồng/01 hộp. Khoảng 18 giờ ngày 03/01/2018, N và A thuê xe ô tô taxi Biển kiểm soát 20A- 133.21 do anh Dương Văn N1 điều khiển để đi mua pháo, N liên lạc cho L hỏi địa điểm lấy pháo thì L hẹn ở khu vực ngã ba thuộc Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. L không trực tiếp đến gặp T lấy pháo mà liên lạc cho T bảo mang pháo ra nơi như L đã hẹn với N, Khi N đi xe taxi đến, T yêu cầu N phải trả tiền trước rồi mới đưa N cho N, N không đồng ý mà yêu cầu T đưa pháo cho N thì N mới đưa tiền. T liên lạc với K để lấy pháo thì K chỉ cho T là pháo đựng trong túi bóng màu đen để ở cổng trường mầm non xóm T, xã Đ. T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 20H1- 25592 (xe T mượn của anh rể là Nguyễn Xuân T1) chở N ra khu vực cổng trường mầm non thì nhìn thấy túi đựng 10 hộp pháo hoa do K để bán cho T. Khi N nhận pháo từ T và quay lại chỗ xe taxi nhưng chưa kịp đưa tiền cho T thì bị Công an huyện P bắt quả tang cùng vật chứng, T và đối tượng tên A bỏ chạy thoát.

Bản cáo trạng số 100/CT-VKS-PB, ngày 01-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo: Trần Văn N, Dương Văn L và Dương Văn T về tội: “Buôn bán hàng cấm”, theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn L và Dương Văn T đều phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 5 năm.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn L từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 5 năm.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 5 năm.

Đề nghị phạt bổ sung bị cáo T từ 20 đến 25 triệu đồng nộp sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 09 hộp pháo có kích thước 15x15x15cm có tổng trọng lượng 13,23kg đã nhập kho vũ khí, đạn Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên; 01 bao tải dứa màu xanh; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại IPHONE 5S màu vàng (điện thoại đã bị hỏng không sử dụng được) và 01 sim điện thoại Viettel trên sim số thuê bao 01625199993 của Trần Văn N.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo N, L trình bày lời bào chữa:

- Các bị cáo đã thành khẩn nhận tội, phù hợp với cáo trạng truy tố và các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có đơn xin cải tạo tại địa phương và được xác nhận. Ngoài ra, bị cáo L là người đã có công cứu giúp nạn nhân đuối nước được chính quyền địa phương ghi nhận. Đồng thời, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những căn cứ nêu trên, Tôi đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 và Điều 65 của Bộ luật hình sự xử các bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo, nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tại địa phương để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo là người dưới 18 tuổi có ý kiến:

- Ông Trần Văn N (Đại diện hợp pháp cho bị cáo N): Đề nghị Hội đồng xét xử xử N ở mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo được cải tạo tại địa phương.

- Bà Dương Thị H (Đại diện hợp pháp cho bị cáo L): Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo L ở mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo được cải tạo tại địa phương.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn L và Dương Văn T đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong quá trình cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Thông qua mạng xã hội Facebook, Dương Văn T quen một đối tượng tên là K, không rõ tên, tuổi địa chỉ đầy đủ, K nói với T là có pháo nổ để bán. T nói chuyện với Dương Văn L về việc có pháo để bán, L kể lại cho bạn là Trần Văn N. Khi bạn của N tên là A (không rõ họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ) hỏi mua pháo thì N đã thông qua L mua được của T 10 hộp pháo giàn (pháo hoa) trọng lượng 14,7 kg - có đầy đủ đặc tính của pháo nổ, có chứa thuốc pháo khi bị kích thích hoặc đốt có gây ra tiếng nổ, với mục đích bán lại cho A để kiếm lời. Giữa L và T thỏa thuận với nhau sau khi bán được pháo cho N thì T sẽ cho L tiền. Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2018, khi N và T đang giao dịch mua bán pháo tại khu vực Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì bị lực lượng Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của Trần Văn N, Dương Văn L, Dương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn L và Dương Văn T đều phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm”, theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

Nội dung của Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a, ...b, ...

c, Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Hành vi đó của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, các bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo đều có đơn xin cải tạo tại địa phương và được xác nhận, đây cũng là tình tiết mà Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình và áp dụng biện pháp cải tạo đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân của các bị cáo: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử xác định các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo Dương Văn L là người mặc dù đã bị xử lý hành chính phạt cảnh cáo vào năm 2016 và đã được xoá, coi như chưa có tiền sự. Mặt khác, các bị cáo N, L khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, do vậy cần áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

Từ những căn cứ nêu trên. Hội đồng xét xử xét xử cần ra một mức án phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do từng bị cáo gây ra. Đồng thời, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo đều là người được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có thể áp dụng một mức hình phạt tương ứng với 18 tháng tù đối với các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, đồng thời nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Tuy nhiên, Trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Trần Văn N và Dương Văn L khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, và theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự thì Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Dương Văn T, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì giá trị, do đó không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 09 hộp pháo có kích thước 15x15x15cm có tổng trọng lượng 13,23kg đã nhập kho vũ khí, đạn Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên và 01 bao tải dừa màu xanh, Hội đồng xét xử cần tịch thu và giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện P tiến hành tiêu huỷ theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc điện thoại IPHONE 5S màu vàng (điện thoại đã bị hỏng không sử dụng được), 01 sim điện thoại Viettel trên sim số thuê bao 01625199993 của Trần Văn N, Hội đồng xét xử thấy tại phiên toà bị cáo khai đã dùng điện thoại và sim nêu trên liên hệ vào việc mua bán pháo, Hội đồng xét xử xác định đây là phương tiện phạm tội và do chiếc điện thoại đó đã bị hỏng, không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[8] Xét đề nghị trong bản luận cứ của người bào chữa cho các bị cáo N, bị cáo L về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình là nghiêm khắc so với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do các bị cáo gây ra, vì vậy Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đối với quan điểm của người bào chữa và ý kiến của những người đại diện hợp pháp cho các bị cáo là người dưới 18 tuổi về việc đề nghị xử các bị cáo N và L với mức hình phạt thấp nhất và tạo điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa, cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy quan điểm, ý kiến của họ là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[10] Về thông báo quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi; Đại diện hợp pháp cho các bị cáo; Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm c khoản 1 Điều 190; Điều 91; khoản 1 Điều 101; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn L.

- Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn T

- Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn L và Dương Văn T đều phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt

- Trần Văn N **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 15 tháng 11 năm 2018).

- Dương Văn L **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 15 tháng 11 năm 2018).

- Dương Văn T **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36** (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 15 tháng 11 năm 2018).

Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Dương Văn L, Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Gồm: Trần Văn N, Dương Văn L và Dương Văn T) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 09 (Chín) hộp pháo có kích thước 15x15x15cm có tổng trọng lượng 13,23kg (đã nhập kho vũ khí, đạn Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên); 01 (Một) bao tải dừa màu xanh; 01 (Một) chiếc điện thoại IPHONE 5S màu vàng (điện thoại đã bị hỏng không sử dụng được); 01 (Một) sim điện thoại Viettel trên sim số thuê bao 01625199993 của Trần Văn N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/8/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Văn N, Dương Văn L, Dương Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử hình sự sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo (Trần Văn N, Dương Văn L, Dương Văn T); Người bào chữa (bà Nguyễn Ngọc Q) và Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo là người dưới 18 tuổi (là ông Trần Văn N và bà Dương Thị H); Người có quyền lợi liên quan (anh Nguyễn Xuân T1), báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt Người có quyền lợi liên quan (anh Dương Văn N1), báo cho anh Ngọc biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Bị cáo; Người bào chữa và Đại diện HP cho bị cáo
- là người dưới 18 tuổi; Người CQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên